

Công ty CP Chứng khoán
VNDIRECT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 738/2025/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/07/2025 đến 31/07/2025 năm 2025 như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACG			ACG
5	ACL			ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	AST			AST

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	BAF			BAF
13	BCM			BCM
14	BFC			BFC
15	BIC			BIC
16	BID			BID
17	BMC			BMC
18	BMI			BMI
19	BMP			BMP
20	BSI			BSI
21	BVH			BVH
22	BWE			BWE
23	C32			C32
24	CCL			CCL
25	CDC			CDC
26	CHP			CHP
27	CII			CII
28	CKG			CKG
29	CLC			CLC
30	CLL			CLL
31	CMG			CMG
32	CNG			CNG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	CRC			CRC
34	CSM			CSM
35	CSV			CSV
36	CTD			CTD
37	CTF			CTF
38	CTG			CTG
39	CTI			CTI
40	CTR			CTR
41	CTS			CTS
42	CVT			CVT
43	D2D			D2D
44	DBC			DBC
45	DBD			DBD
46	DC4			DC4
47	DCL			DCL
48	DCM			DCM
49	DGC			DGC
50	DGW			DGW
51	DHA			DHA
52	DHC			DHC
53	DHG			DHG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	DIG			DIG
55	DMC			DMC
56	DPG			DPG
57	DPM			DPM
58	DPR			DPR
59	DRC			DRC
60			DSC	DSC
61	DSE			DSE
62			DSN	DSN
63	DVP			DVP
64	DXG			DXG
65	DXS			DXS
66	EIB			EIB
67	ELC			ELC
68	EVF			EVF
69	FCN			FCN
70	FIR			FIR
71	FIT			FIT
72	FMC			FMC
73	FPT			FPT
74	FRT			FRT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	FTS			FTS
76	GAS			GAS
77	GDT			GDT
78	GEE			GEE
79	GEG			GEG
80	GEX			GEX
81			GIL	GIL
82	GMD			GMD
83	GSP			GSP
84	GVR			GVR
85	HAH			HAH
86	HAX			HAX
87	HCD			HCD
88	HCM			HCM
89	HDB			HDB
90	HDC			HDC
91	HDG			HDG
92	HHP			HHP
93	HHS			HHS
94	HHV			HHV
95	HPG			HPG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
96	HPX			HPX
97	HQC			HQC
98	HSG			HSG
99	HT1			HT1
100	HTG			HTG
101	HTI			HTI
102	HTN			HTN
103			HUB	HUB
104	HVH			HVH
105	ICT			ICT
106	IDI			IDI
107	IJC			IJC
108	ILB			ILB
109	IMP			IMP
110	ITC			ITC
111			ITD	ITD
112	KBC			KBC
113	KDC			KDC
114	KDH			KDH
115	KHG			KHG
116	KHP			KHP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
117	KSB			KSB
118	LBM			LBM
119	LCG			LCG
120	LHG			LHG
121	LIX			LIX
122	LPB			LPB
123	LSS			LSS
124	MBB			MBB
125	MCM			MCM
126	MIG			MIG
127	MSB			MSB
128	MSH			MSH
129	MSN			MSN
130	MWG			MWG
131	NAB			NAB
132	NAF			NAF
133	NBB			NBB
134	NCT			NCT
135	NHA			NHA
136	NHH			NHH
137	NKG			NKG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
138	NLG			NLG
139	NNC			NNC
140	NO1			NO1
141	NSC			NSC
142	NT2			NT2
143	NTL			NTL
144	OCB			OCB
145	PAC			PAC
146	PAN			PAN
147	PC1			PC1
148	PDR			PDR
149	PET			PET
150	PGC			PGC
151	PGD			PGD
152	PHC			PHC
153	PHR			PHR
154	PLX			PLX
155	PNJ			PNJ
156	POW			POW
157	PPC			PPC
158	PTB			PTB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
159	PVD			PVD
160	PVP			PVP
161	PVT			PVT
162	RAL			RAL
163	REE			REE
164	SAB			SAB
165	SAM			SAM
166	SAV			SAV
167			SBA	SBA
168	SBG			SBG
169	SBT			SBT
170	SCR			SCR
171	SCS			SCS
172	SFG			SFG
173	SFI			SFI
174	SGN			SGN
175	SGR			SGR
176	SGT			SGT
177	SHB			SHB
178	SHI			SHI
179	SIP			SIP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
180	SJD			SJD
181	SJS			SJS
182	SKG			SKG
183			SMB	SMB
184	SRC			SRC
185	SSB			SSB
186	SSI			SSI
187	ST8			ST8
188	STB			STB
189	STK			STK
190	SVC			SVC
191	SZC			SZC
192	SZL			SZL
193	TCB			TCB
194	TCH			TCH
195	TCI			TCI
196	TCL			TCL
197	TCM			TCM
198	TCO			TCO
199	TDC			TDC
200	TDM			TDM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
201	TDP			TDP
202	THG			THG
203	TIP			TIP
204	TLG			TLG
205	TMS			TMS
206	TNH			TNH
207	TPB			TPB
208	TRA			TRA
209	TRC			TRC
210	TTA			TTA
211	TV2			TV2
212	TVS			TVS
213	TYA			TYA
214	VCB			VCB
215	VCG			VCG
216	VCI			VCI
217	VDS			VDS
218	VFG			VFG
219	VGC			VGC
220	VHC			VHC
221	VHM			VHM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
222	VIB			VIB
223	VIC			VIC
224	VIP			VIP
225	VIX			VIX
226	VJC			VJC
227	VNM			VNM
228	VOS			VOS
229	VPB			VPB
230	VPG			VPG
231	VPH			VPH
232	VPI			VPI
233	VRE			VRE
234	VSC			VSC
235	VSH	VSH		
236	VTO			VTO
237	VTP			VTP
238	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3	CAP			CAP
4	CDN			CDN
5	CEO			CEO
6	CMS	CMS		
7	CSC			CSC
8	DHT			DHT
9	DL1			DL1
10	DNP			DNP
11	DP3			DP3
12	DTD			DTD
13	DVM			DVM
14	DXP			DXP
15			HLD	HLD
16	HUT			HUT
17	HVT			HVT
18	IDC			IDC
19	IDV			IDV
20	IPA			IPA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
21	IVS			IVS
22	KHS			KHS
23	KSV			KSV
24	L14			L14
25	L18			L18
26	LAS			LAS
27	LHC			LHC
28	LIG			LIG
29	MBG			MBG
30	MBS			MBS
31	NAG			NAG
32	NBC			NBC
33	NDN			NDN
34	NET			NET
35	NTP			NTP
36	PGS			PGS
37	PLC			PLC
38	PPT			PPT
39	PSD			PSD
40	PSI			PSI
41	PTI			PTI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
42	PVB			PVB
43	PVC			PVC
44	PVI			PVI
45	PVS			PVS
46	S99			S99
47	SCG			SCG
48	SHS			SHS
49	SJE			SJE
50	SLS			SLS
51	TDT			TDT
52	TMB			TMB
53	TNG			TNG
54	TPP			TPP
55	TVD			TVD
56	VC3			VC3
57	VC7			VC7
58	VCS			VCS
59	VFS			VFS
60	VGS			VGS
61	VNR			VNR
62	VTZ			VTZ

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

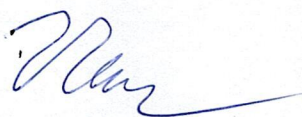
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Mai Linh

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Tổng giám đốc



Nguyễn Vũ Long

